

Bản án số: 11/2023/HS-ST

Ngày: 15-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 23/10/2000 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số M, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số B, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo hoà hảo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; Mẹ: Lư Thị Kim D, sinh năm 1975; Có 02 anh em, bị cáo thứ hai; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Bá T, sinh năm 1998; Bị cáo chưa có con.

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 12 thì nghỉ học.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Nguyễn Bá T, sinh năm 1998, Có mặt

Cư trú: Số B, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn B, sinh năm 2000, Vắng mặt

Cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Như Y quen biết và có quan hệ tình cảm với Nguyễn Bá T. Từ đầu năm 2021, Y bắt đầu chung sống như vợ chồng với T ở nhà số B, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, Y nợ tiền của Nguyễn Văn B nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền của T để trả cho B. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23 tháng 8 năm 2022, lợi dụng lúc T ra khỏi nhà, Y lục túi xách của T lấy trộm 39.000.000 đồng rồi xáo trộn đồ đạc trong nhà, mở cửa sau nhằm tạo hiện trường giả. Sau đó, Y đến nhà của B ở Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang trả 40.000.000 đồng cho B.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23 tháng 8 năm 2022, T về nhà phát hiện đồ đạc trong nhà bị xáo trộn, cửa sau bị mở nên kiểm tra tài sản phát hiện bị mất 39.000.000 đồng để trong túi xách và điện thoại cho Y biết. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Y trở về nhà nói dối với T là Y cũng bị mất trộm 10.000.000 đồng. Sau đó, T đến Công an phường M trình báo bị mất trộm 49.000.000 đồng.

Đến 09 giờ ngày 29 tháng 8 năm 2022, Y đến Công an phường M đầu thú và thừa nhận thực hiện hành vi lấy trộm 39.000.000 đồng của T để trả nợ cho B.

Tại cáo trạng số 09/CT-VKSLX-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Nguyễn Thị Như Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như Y từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xét đến.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây cản trở cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 23 tháng 8 năm 2022, Nguyễn Thị Như Y thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 39.000.000đ của ông Nguyễn Bá T. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Như Y đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

[4.1] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân. Bị cáo và bị hại đã có một thời gian dài chung sống với nhau như vợ chồng. Lẽ ra, bị cáo phải cùng với bị hại chăm lo, vun vén cho cuộc sống chung hạnh phúc. Nhưng bị cáo lại lợi dụng sự tin tưởng, sự sơ hở không đề phòng cảnh giác của bị hại mà lén lút lấy tài sản của bị hại một cách bất hợp pháp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4.2] Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo Nguyễn Thị Như Y không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Thị Như Y được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện bồi thường; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành pháp luật, không có vi phạm khác; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo đầu thú và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Như Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Như Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như Y 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 02 năm 2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Như Y cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Như Y có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Như Y thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Như Y phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Như Y và bị hại Nguyễn Bá T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã H, huyện C; tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan